TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 26/9/2022.
V/v Ly hôn,tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Kiên;
2. Ông Vũ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 26/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST – HNGĐ ngày 12/5/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXX - ST ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2023/QĐST - HPT ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Anh T – Sinh năm 1994 "có mặt".
Nơi ĐKHKTT: Tổ 02, phường N L, thị xã M L, tỉnh Điện Biên.
Nơi cư trú hiện tại: Đội 19, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Đàm Thị H – Sinh năm 1996 " vắng mặt".
Nơi ĐKHKTT: Đội 19, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/5/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, anh Phạm Anh T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Hạnh lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 28/02/2020. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm của tôi với cô Hạnh không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Hạnh.

2. Về con chung: Anh Tuấn khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nhất An, sinh ngày 01/3/2020. Anh Tuấn đồng ý cho cô Hạnh nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ trên một tháng.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án chị Đàm Thị H (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tuấn lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 28/02/2020. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, nay anh Tuấn làm đơn xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị Hạnh công nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nhất An, sinh ngày 01/3/2020. Chị Hạnh có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ trên một tháng.

3. Về tài sản: - Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không có.

- Nợ phải trả: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Tuấn phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Tuấn đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005203 ngày 11/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B. Anh Tuấn phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Phạm Anh T, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tuấn xin ly hôn với chị Hạnh, chị Hạnh có hộ khẩu thường trú tại xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Anh Tuấn và chị Hạnh kết hôn năm 2023, đến năm 2023 thì anh Tuấn khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị H và anh Phạm Anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai người bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Anh Tuấn thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, xác định tình cảm của mình với chị Hạnh không còn. Anh Tuấn xin ly hôn, chị Hạnh cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nhất An, sinh ngày 01/3/2020. Chị Hạnh có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ trên một tháng.

Tại bản tự khai của anh Tuấn cũng đồng ý cho chị Hạnh nuôi con chung.

HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị Hạnh là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Hạnh và giao con chung cho chị Hạnh trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hạnh yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Anh Tuấn đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ, do công việc hiện nay chưa ổn định và khi nào có công việc ổn định sẽ thay đổi cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, HĐXX chấp nhận ý kiến của anh Tuấn và mỗi tháng anh Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ là phù hợp.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Nợ phải trả: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phạm Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0005203 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, anh Tuấn đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Tuấn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với bị đơn Đàm Thị H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, chị Hạnh đã đến Tòa án để viết bản tự khai. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Cho anh Phạm Anh T được ly hôn với chị Đàm Thị H.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hạnh, giao con chung là Phạm Nhất An, sinh ngày 01/3/2020 cho chị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Tuấn mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2023 và được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phạm Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0005203 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, anh Tuấn đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Tuấn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T H;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Bạc Thị Kiên	Lường Văn Lương	Vũ Văn Tám